

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 295.868.044.111 | 308.170.468.501 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 47.330.022.226 | 48.673.069.090 |
| Tiền | 111 | | 2.201.737.322 | 3.571.300.838 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 45.128.284.904 | 45.101.768.252 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 155.265.875.481 | 163.794.534.433 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 120.736.162.518 | 152.394.719.628 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 27.180.728.818 | 4.087.969.848 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6a | 1.315.857.876 | 1.278.718.688 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | 5.7 | (10.966.873.731) | (10.966.873.731) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 92.429.312.583 | 94.072.886.725 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.8 | 92.429.312.583 | 94.072.886.725 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 842.833.821 | 1.629.978.253 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9a | 1.020.842 | 2.333.333 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 446.937.562 | 1.232.769.503 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | 394.875.417 | 394.875.417 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 290.750.724.308 | 280.349.978.627 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6b | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 26.369.307.807 | 26.823.481.119 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 26.348.507.800 | 26.801.081.113 |
| - Nguyên giá | 222 | | 35.179.666.221 | 35.179.666.221 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (8.831.158.421) | (8.378.585.108) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | 20.800.007 | 22.400.006 |
| - Nguyên giá | 228 | | 32.000.000 | 32.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (11.199.993) | (9.599.994) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 89.948.612.000 | 89.948.612.000 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí XD/CB dở dang | 242 | 5.11 | 89.948.612.000 | 89.948.612.000 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 174.210.000.000 | 163.320.000.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 125.790.000.000 | 114.900.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 48.420.000.000 | 48.420.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 212.804.501 | 247.885.508 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9b | 212.804.501 | 247.885.508 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 586.618.768.419 | 588.520.447.128 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 153.674.321.737 | 156.082.673.350 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 153.674.321.737 | 156.082.673.350 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.12 | 26.123.217.397 | 33.022.226.721 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.13 | 31.552.673.571 | 20.917.383.561 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 751.159.661 | 3.644.036.706 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.879.959.119 | 3.419.768.149 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.15 | - | 129.000.000 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.16 | 13.864.367.875 | 13.657.608.175 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.17 | 75.123.625.118 | 76.913.331.042 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 5.18 | 4.379.318.996 | 4.379.318.996 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 432.944.446.682 | 432.437.773.778 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | 432.944.446.682 | 432.437.773.778 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 369.499.950.000 | 369.499.950.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 369.499.950.000 | 369.499.950.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (4.390.693.200) | (4.390.693.200) |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 67.835.189.882 | 67.328.516.978 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 67.328.516.978 | 53.315.591.939 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 506.672.904 | 14.012.925.039 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 586.618.768.419 | 588.520.447.128 |

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý I Năm 2023 | Quý I Năm 2022 |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 6.1 | 21.488.422.474 | 52.017.920.213 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 21.488.422.474 | 52.017.920.213 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 17.140.899.912 | 44.058.092.910 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 4.347.522.562 | 7.959.827.303 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 655.799.881 | 95.291.086 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 401.065.990 | 275.971.350 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 401.065.990 | 275.971.350 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.4 | 259.432.387 | 491.503.133 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 3.600.613.950 | 4.266.850.300 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 742.210.116 | 3.020.793.606 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 234.869.846 | 48.120.013 |
| Chi phí khác | 32 | | 343.738.832 | 10.215.351 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (108.868.986) | 37.904.662 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 633.341.130 | 3.058.698.268 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.7 | 126.668.226 | 611.739.654 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 506.672.904 | 2.446.958.614 |

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | Quý I Năm 2023 | Quý I Năm 2022 |
|--|--------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 633.341.130 | 3.058.698.268 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 454.173.312 | 329.720.616 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (576.732.475) | (95.291.086) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 401.065.990 | 275.971.350 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 911.847.957 | 3.569.099.148 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 9.230.013.508 | 13.690.852.330 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 1.643.574.142 | (20.661.185.270) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 2.282.902.661 | (12.080.392.918) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 36.393.498 | 1.416.711 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (401.065.990) | (275.971.350) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.028.216.576) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 10.675.449.200 | (15.756.181.349) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (1.169.603.961) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (10.026.516.652) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 10.000.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (10.890.000.000) | (10.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 687.726.512 | 83.967.761 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (10.228.790.140) | (11.085.636.200) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 14.843.876.644 | 27.155.329.189 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (16.633.582.568) | (243.185.739) |

Báo cáo tài chính riêng này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | Quý I Năm 2023 | Quý I Năm 2022 |
|---|-----------|------------------------|-----------------------|
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.789.705.924) | 26.912.143.450 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (1.343.046.864) | 70.325.901 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 48.673.069.090 | 23.855.390.756 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 47.330.022.226 | 23.925.716.657 |

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 22 (lần gần nhất) ngày 30 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 gồm:

| Tên | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty con: | | | |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên | 99,00% | 99,00% | 99,00% |
| Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC | 90,00% | 90,00% | 90,00% |
| Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | 95,00% | 95,00% | 95,00% |
| Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill | 99,00% | 99,00% | 99,00% |

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 gồm:

| Tên | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng | Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh | Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh |
| Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC | Thôn Thọ Bình – Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho Quý I năm 2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Sản phẩm dở dang Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình
- Hàng hóa Bình quân gia quyền

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 – 06 năm |

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong Quý I năm 2023 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Tiền mặt | 578.108.167 | 128.032.581 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.623.629.155 | 3.443.268.257 |
| Các khoản tương đương tiền(i) | 45.128.284.904 | 45.101.768.252 |
| Cộng | 47.330.022.226 | 48.673.069.090 |

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất 5,0%/năm đến 5,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư tài chính dài hạn**

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào Công ty con | 125.790.000.000 | - | 114.900.000.000 | - |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i) | 59.400.000.000 | - | 59.400.000.000 | - |
| Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (ii) | 27.000.000.000 | - | 27.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (iii) | 28.500.000.000 | - | 28.500.000.000 | - |
| Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill (iv) | 10.890.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 48.420.000.000 | - | 48.420.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chí Thành (v) | 48.420.000.000 | - | 48.420.000.000 | - |
| Cộng | 174.210.000.000 | - | 163.320.000.000 | - |

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016, thay đổi lần gần nhất (lần 04) ngày 21 tháng 2 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 21/02/2022 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

(ii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 90,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 95,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng.

(iv) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400536676 ngày 23 tháng 11 năm 2022, thay đổi lần gần nhất (lần 01) ngày 16 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 16/03/2023 là 11.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

10.890.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill là 10.890.000.000 đồng.

(v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chí Thành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/HVC/2020/NQHĐQT ngày 05/09/2020 thông qua việc góp vốn mua cổ phần của Công ty Cổ phần Chí Thành để thực hiện dự án đầu tư "Khu biệt thự nhà vườn trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái" tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng diện tích dự án khoảng 40ha. Công ty đầu tư với số tiền là 48.420.000.000 đồng chiếm 20,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Chí Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000281 ngày 24/01/2011 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hòa Bình cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400233946, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 03 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/03/2023 VNĐ | 01/01/2023 VNĐ |
|---|------------------------|------------------------|
| Các khách hàng là bên liên quan | - | 15.000.000 |
| - Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | - | 15.000.000 |
| Các khách hàng độc lập | 120.736.162.518 | 152.379.719.628 |
| - Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes | 48.757.123.796 | 59.154.039.443 |
| - Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải | 15.296.817.486 | 15.296.817.486 |
| - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Danko | 6.162.324.299 | 11.660.463.285 |
| - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm | 10.658.728.129 | 16.066.224.504 |
| - Công ty Cổ phần Vinhomes | 16.671.411.285 | 16.785.748.612 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn | 357.632.522 | 794.312.301 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5 | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 |
| - Các khách hàng khác | 13.232.125.001 | 23.022.113.997 |
| Cộng | 120.736.162.518 | 152.394.719.628 |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/03/2023 (VNĐ) | 01/01/2023 (VNĐ) |
|---|-----------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HTI | 1.400.289.000 | 1.400.289.000 |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật TITANIA | - | 711.504.000 |
| - Công ty CP XNK đầu tư XD Nguyễn Gia | 2.246.818.727 | - |
| - Công ty CP NOVAREAL | 20.338.999.164 | - |
| - Công ty TNHH đầu tư và PT HIKARU | 522.553.700 | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 2.672.068.227 | 1.976.176.848 |
| Cộng | 27.180.728.818 | 4.087.969.848 |

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/03/2023 (VNĐ) | 01/01/2023 (VNĐ) |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i) | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| - Công ty TNHH Sông Thao (ii) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 |

(i) Số dư về tiền cho vay tại ngày 31/03/2023 căn cứ theo Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HDV/HVC-HY ngày 20/09/2022, với các điều khoản chi tiết sau: số tiền cho vay là 8.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu thanh toán hợp pháp hợp lý hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Lãi suất cho vay: 7,5%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không bảo đảm bằng tài sản. Số dư khoản cho vay tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 7.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

(ii) Số dư về tiền cho vay tại ngày 31/03/2023 căn cứ theo Đề nghị hỗ trợ vay vốn ngày 10/02/2022 và Hợp đồng cho vay ngày 12/02/2022, với các điều khoản chi tiết sau: số tiền cho vay là 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu thanh toán tiền thuê đất của Công ty TNHH Sông Thao. Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không bảo đảm bằng tài sản.

5.6 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 7.955.310 | - | 77.955.310 | - |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 1.149.629.141 | - | 193.820.486 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 3.409.228 | - | 3.406.876 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | 1.030.214.704 | - | 74.408.401 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 77.705.209 | - | 77.705.209 | - |
| - Các khoản ký quỹ, ký cược khác | 38.300.000 | - | 38.300.000 | - |
| Phải thu khác | 158.273.425 | - | 1.006.942.892 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan | 155.753.425 | - | 866.189.041 | - |
| - Công ty TNHH HVC Hưng Yên | 155.753.425 | - | 155.753.425 | - |
| - Công ty TNHH Sông Thao - Thu lãi cho vay | - | - | 710.435.616 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập | 2.520.000 | - | 140.753.851 | - |
| - Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay | - | - | 108.726.968 | - |
| - Đối tượng khác | 2.520.000 | - | 32.026.883 | - |
| Cộng | 1.315.857.876 | - | 1.278.718.688 | - |

b. Phải thu dài hạn khác

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|-------------------------|---------------------|----------|---------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Cộng | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.7 Nợ xấu

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi được | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi được |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 10.966.873.731 | - | 10.966.873.731 | - |
| Từ 3 năm trở lên | 10.966.873.731 | - | 10.966.873.731 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà</i> | 154.253.092 | - | 154.253.092 | - |
| <i>Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương</i> | 282.800.000 | - | 282.800.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO</i> | 74.760.000 | - | 74.760.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh</i> | 75.637.210 | - | 75.637.210 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư DHC</i> | 79.437.673 | - | 79.437.673 | - |
| <i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính</i> | 31.997.609 | - | 31.997.609 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Milton</i> | 435.848.744 | - | 435.848.744 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô Thị Thăng Long</i> | 196.560.784 | - | 196.560.784 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Long Thành</i> | 35.578.620 | - | 35.578.620 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5</i> | 9.600.000.000 | - | 9.600.000.000 | - |
| Cộng | 10.966.873.731 | - | 10.966.873.731 | - |

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 | Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 |
|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Số đầu kỳ | 10.966.873.731 | 652.546.615 |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | - | 3.980.315.369 |
| Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | - | - |
| Số cuối kỳ | 10.966.873.731 | 4.632.861.984 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.8 Hàng tồn kho

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 77.184.908.098 | - | 78.516.393.612 | - |
| Hàng hóa | 15.244.404.485 | - | 15.556.493.113 | - |
| Cộng | 92.429.312.583 | - | 94.072.886.725 | - |

5.9 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | 01/01/2023 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 31/03/2023 (VND) |
|------------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 2.333.333 | - | 1.312.491 | 1.020.842 |
| Cộng | 2.333.333 | - | 1.312.491 | 1.020.842 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 01/01/2023 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 31/03/2023 (VND) |
|------------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 247.885.508 | - | 35.081.007 | 212.804.501 |
| Cộng | 247.885.508 | - | 35.081.007 | 212.804.501 |

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc và thiết bị (VND) | Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND) | Tài sản cố định khác (VND) | Cộng (VND) |
|--|---------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2023 | 29.311.291.829 | 877.693.719 | 4.863.680.673 | 127.000.000 | 35.179.666.221 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | - | - |
| 31/03/2023 | 29.311.291.829 | 877.693.719 | 4.863.680.673 | 127.000.000 | 35.179.666.221 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 1.333.400.046 | 312.675.200 | 1.234.932.727 | - | 2.881.007.973 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| 01/01/2023 | 5.994.294.009 | 370.034.772 | 1.916.360.506 | 97.895.821 | 8.378.585.108 |
| Khấu hao trong kỳ | 289.498.806 | 2.325.000 | 152.812.008 | 7.937.499 | 452.573.313 |
| 31/03/2023 | 6.283.792.815 | 372.359.772 | 2.069.172.514 | 105.833.320 | 8.831.158.421 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2023 | 23.316.997.820 | 507.658.947 | 2.947.320.167 | 29.104.179 | 26.801.081.113 |
| 31/03/2023 | 23.027.499.014 | 505.333.947 | 2.794.508.159 | 21.166.680 | 26.348.507.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

| | Nguyên giá (VND) | Giá trị hao mòn lũy kế (VND) | Giá trị còn lại (VND) |
|-------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------|
| 01/01/2023 | 32.000.000 | 9.599.994 | 22.400.006 |
| Tăng trong kỳ | - | 1.599.999 | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - |
| 31/03/2023 | 32.000.000 | 11.199.993 | 20.800.007 |

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/03/2023 (VND) | 01/01/2023 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | 89.948.612.000 | 89.948.612.000 |
| Cộng | 89.948.612.000 | 89.948.612.000 |

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/03/2023 (VND) | | 01/01/2023 (VND) | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Các nhà cung cấp là bên liên quan | 330.000.000 | 330.000.000 | - | - |
| - Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC | 330.000.000 | 330.000.000 | - | - |
| Các nhà cung cấp là bên thứ ba | 25.793.217.397 | 25.793.217.397 | 33.022.226.721 | 33.022.226.721 |
| - Công ty CP tập đoàn Xây dựng Hồ Gươm | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 |
| - Công ty TNHH đầu tư TM Gia Vinh | 1.685.704.136 | 1.685.704.136 | 4.065.756.696 | 4.065.756.696 |
| - Công ty TNHH xây lắp cơ điện HTT | 1.080.041.691 | 1.080.041.691 | 1.086.263.186 | 1.086.263.186 |
| - Công ty CP TM thiết bị điện Nguyễn Gia | 3.259.947.698 | 3.259.947.698 | - | - |
| - Công ty CP XNK đầu tư XD Nguyễn Gia | - | - | 1.783.642.083 | 1.783.642.083 |
| - Công ty TNHH SX-TM-ĐT- XD Hải Hà | 1.516.002.293 | 1.516.002.293 | 1.752.497.787 | 1.752.497.787 |
| - YIXING SEA FOUNTAIN EQUIPMENT CO.,LTD | 2.875.600.350 | 2.875.600.350 | 2.850.663.750 | 2.850.663.750 |
| - Các nhà cung cấp khác | 11.359.043.443 | 11.359.043.443 | 17.466.525.433 | 17.466.525.433 |
| Cộng | 26.123.217.397 | 26.123.217.397 | 33.022.226.721 | 33.022.226.721 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/03/2023 | 01/01/2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Các khách hàng là bên liên quan | 250.187.800 | - |
| - Công ty TNHH thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | 250.187.800 | - |
| Các khách hàng độc lập | 31.302.485.771 | 20.917.383.561 |
| - Công ty TNHH đầu tư BĐS DOJI LAND | 1.030.214.703 | - |
| - Công ty CP tập đoàn xây dựng SCG | 9.825.700.805 | 9.825.700.805 |
| - Công ty CP đầu tư địa ốc Vạn Phúc | 7.423.949.018 | 7.283.697.701 |
| - Công ty TNHH DELTA - VALLEY Bình Thuận | 9.560.678.539 | 55.739.797 |
| - Các khách hàng khác | 3.461.942.706 | 3.752.245.258 |
| Cộng | 31.552.673.571 | 20.917.383.561 |

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31/03/2023 | | 01/01/2023 | |
|------------------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | (VNĐ) | | (VNĐ) | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | - | 4.805.000 | 4.805.000 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 732.004.265 | 732.004.265 | 3.633.552.615 | 3.633.552.615 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 19.155.396 | 19.155.396 | 10.484.091 | 10.484.091 |
| Cộng | 751.159.661 | 751.159.661 | 3.644.036.706 | 3.644.036.706 |

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2023 | Phát sinh trong kỳ | | 31/03/2023 |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Số phải nộp (VNĐ) | Số phải nộp (VNĐ) | Số đã nộp (VNĐ) | Số phải nộp (VNĐ) |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 86.336.906 | 86.336.906 | - |
| - Thuế nhập khẩu | - | 43.446.022 | 43.446.022 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.633.552.615 | 126.668.226 | 3.028.216.576 | 732.004.265 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 10.484.091 | 30.880.368 | 22.209.063 | 19.155.396 |
| - Các loại thuế khác | - | - | - | - |
| Cộng: | 3.644.036.706 | 287.331.522 | 3.180.208.567 | 751.159.661 |

Tình hình biến động của các khoản phải thu Nhà nước

| | 01/01/2023 | Phát sinh trong kỳ | | 31/03/2023 |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|--------------------|
| | Số phải thu (VNĐ) | Số phải nộp (VNĐ) | Số đã nộp (VNĐ) | Số phải thu (VNĐ) |
| - Thuế giá trị gia tăng (vãng lại) | 394.875.417 | - | - | 394.875.417 |
| Cộng | 394.875.417 | - | - | 394.875.417 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>31/03/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|---------------------------|-------------------|--------------------|
| | <u>(VND)</u> | <u>(VND)</u> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 129.000.000 |
| Cộng | - | 129.000.000 |

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>31/03/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>(VND)</u> | <u>(VND)</u> |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác là bên thứ ba</i> | 13.864.367.875 | 13.657.608.175 |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (i) | 13.657.608.175 | 13.657.608.175 |
| - Các khoản phải trả khác | 6.176.700 | - |
| - BHXH, BHYT, BHTN | 200.583.000 | - |
| Cộng | 13.864.367.875 | 13.657.608.175 |

(i) Đây là khoản phải trả về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần May Chiến Thắng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HĐHTKD/HVC-MCT ngày 20 tháng 01 năm 2021. Theo đó, Công ty hợp tác để thực hiện Dự án khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Công ty Cổ phần May Chiến Thắng ủy quyền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm chuyển tiền hợp tác đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC để thực hiện dự án.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>31/03/2023</u> | | <u>31/01/2023</u> | |
|--|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | <u>(VND)</u> | <u>(VND)</u> | <u>(VND)</u> | <u>(VND)</u> |
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn | 75.123.625.118 | 75.123.625.118 | 76.913.331.042 | 76.913.331.042 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | 75.123.625.118 | 75.123.625.118 | 76.913.331.042 | 76.913.331.042 |
| + Hợp đồng tín dụng(i) | 10.309.726.499 | 10.309.726.499 | 10.309.726.499 | 10.309.726.499 |
| + Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (ii) | 64.813.898.619 | 64.813.898.619 | 66.603.604.543 | 66.603.604.543 |
| Cộng | 75.123.625.118 | 75.123.625.118 | 76.913.331.042 | 76.913.331.042 |

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09 tháng 09 năm 2014, phụ lục số HS020140019/HĐHMTD/PLHM-813524 ngày 04 tháng 01 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 265.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 165.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 15.000.000.000 đồng, hạn mức chiết khấu Bộ chứng từ kèm hối phiếu theo Phương thức thanh toán trả sau là 130.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ được quy định tại đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ, thời hạn tối đa mỗi khoản vay theo quy định của Techcombank (nếu có) trong từng thời kỳ.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256892/HĐHM/CK/TCB-HVC ngày 20/10/2021, phụ lục số HSO2021256892/HDHM/CK/TCB-HVC/PL705830 ngày 19/10/2022, phụ lục số HSO2021256892/HDHM/CK/TCB-HVC/PL761297 ngày 01/12/2022 với giá trị hạn mức chiết khấu là 150.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 19/12/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS0203815274/HĐCK ngày 04/01/2023 với giá trị hạn mức chiết khấu là 130.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021256892/HDHM/CK/TCB-HVC ngày 20/10/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/01/2024). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201700599 ngày 12/04/2017 là xe ô tô Ford Ranger XLS 29C 759.29 thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201812333176 ngày 12/12/2018 là xe ô tô Kia Rondo 30F 47892 thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201912702165/HDTC ngày 30/10/2019 là nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty TNHH HVC Hưng Yên.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO202012909659/HDTC ngày 04/03/2020 là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán bất động sản tại "Dự án Hồ Gươm Plaza" thuộc sở hữu của Công ty.

5.18 Dự phòng phải trả

| | 31/03/2023 (VND) | 01/01/2023 (VND) |
|---|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 4.379.318.996 | 4.379.318.996 |
| Cộng | 4.379.318.996 | 4.379.318.996 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý I năm 2023**5.19 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Thặng dư vốn cổ phần (VND) | Lợi nhuận chưa phân phối (VND) | Tổng (VND) |
|---------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------------------|------------------------|
| 01/01/2022 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 53.315.591.939 | 418.424.848.739 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 14.012.925.039 | 14.012.925.039 |
| 31/12/2022 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 67.328.516.978 | 432.437.773.778 |
| 01/01/2023 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 67.328.516.978 | 432.437.773.778 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 506.672.904 | 506.672.904 |
| 31/03/2023 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 67.835.189.882 | 432.944.446.682 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Cổ phiếu

| | 31/03/2023 (VND) | 01/01/2023 (VND) |
|---|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.949.995 | 36.949.995 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.949.995 | 36.949.995 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|---|-------------------------|-------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 388.553.200 | 2.951.245.820 |
| - Doanh thu thi công lắp đặt công trình | 21.099.869.274 | 49.066.674.393 |
| Tổng doanh thu | 21.488.422.474 | 52.017.920.213 |

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Giá vốn bán hàng hóa | 310.842.400 | 2.243.409.168 |
| - Giá vốn thi công lắp đặt công trình | 16.830.057.512 | 41.814.683.742 |
| Tổng giá vốn | 17.140.899.912 | 44.058.092.910 |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| - Lãi tiền gửi | 655.799.881 | 95.291.086 |
| Cộng | 655.799.881 | 95.291.086 |

6.4. Chi phí tài chính

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| - Tiền lãi vay | 401.065.990 | 275.971.350 |
| Cộng | 401.065.990 | 275.971.350 |

6.5. Chi phí bán hàng

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí bảo hành công trình | 156.732.387 | 19.003.133 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 102.700.000 | 472.500.000 |
| Cộng | 259.432.387 | 491.503.133 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 2.714.544.630 | 3.030.708.046 |
| - Chi phí đồ dùng quản lý | 90.535.174 | 35.628.862 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 410.000.787 | 359.181.468 |
| - Thuế phí lệ phí | 83.727.098 | 43.311.225 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 139.308.421 | 132.745.385 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 162.497.840 | 665.275.314 |
| Cộng | 3.600.613.950 | 4.266.850.300 |

6.7. Thu nhập khác

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| - Thu nhập khác | 234.869.846 | 48.120.013 |
| Cộng | 234.869.846 | 48.120.013 |

6.8. Chi phí khác

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí khác | 343.738.832 | 10.215.351 |
| Cộng | 343.738.832 | 10.215.351 |

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Quý I năm 2023 (VND) | Quý I năm 2022 (VND) |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế hiện hành | 126.668.226 | 611.739.654 |
| Cộng | 126.668.226 | 611.739.654 |

7 THÔNG TIN KHÁC**7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường